TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST
Ngày 04/8/2026
Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh .
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị My và ông Nguyễn Viết Hải.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Dương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị.
- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2026, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 135/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu L, sinh năm 1990; địa chỉ nơi cư trú: thôn S (nay là thôn V), xã C, tỉnh Quảng Trị. *Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- Bị đơn: Anh Nguyễn Viết Q, sinh năm 1988; địa chỉ nơi cư trú: thôn S (nay là thôn V), xã C, tỉnh Quảng Trị. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thu L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu L và anh Nguyễn Viết Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị (nay thuộc xã C, tỉnh Quảng Trị) ngày 15/9/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã và đã không còn sống chung. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị L và anh Q có 02 con chung là các cháu Nguyễn Viết Bảo K, sinh ngày 15/3/2010, Nguyễn Viết Bảo D, sinh ngày 06/8/2011. Chị L đề nghị giao cháu D cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

giao cháu K cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi cháu D.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Viết Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q thừa nhận việc đăng ký kết hôn và vợ chồng có mâu thuẫn nhưng cho rằng chưa đến mức trầm trọng, còn có thể khắc phục nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Q thống nhất vợ chồng có 02 con chung như chị L trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh Q đồng ý trực tiếp nuôi cháu K và giao cháu D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu K.

Về tài sản chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 22/5/2026 Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân và điều kiện chăm sóc con chung thể hiện; ông Q và bà L có nơi cư trú tại thôn S, xã C, tỉnh Quảng Trị, có đăng ký kế hôn hợp pháp, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian trở lại đây có phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện nay ông bà sống ly thân. Tại các bản trình bày ý kiến đều đề ngày 21/5/2026 thể hiện cháu Nguyễn Viết Bảo D có nguyện vọng ở với mẹ; cháu Nguyễn Viết Bảo K có nguyện vọng được ở với bố.

Tại phiên tòa: Chị Lê Thị Thu L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Viết Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có tài liệu chứng minh việc vắng mặt do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Chủ tọa phiên tòa công bố lý do vắng mặt của các đương sự, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L; giao cháu D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu K cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng; không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng do mỗi bên đều không có yêu cầu đối với người con do mình trực tiếp nuôi; tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét; chị L chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Thu L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Viết Q và giải quyết việc nuôi con chung, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thôn V, xã C, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị theo Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ

sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phiên tòa được mở lần thứ nhất vào ngày 22 tháng 7 năm 2026; anh Q vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ban hành Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2026. Tòa án đã tống đạt quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai cho anh Q. Tại phiên tòa ngày 04/8/2026, anh Q tiếp tục vắng mặt, không có yêu cầu phản tố, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không chứng minh được sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Chị L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo khoản 1 Điều 228; xét xử vắng mặt anh Q theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; đồng thời thực hiện thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị vào ngày 15/9/2009, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 023/2009 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Chị L xác định vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không còn tình cảm và đã sống ly thân từ hơn 07 năm nay. Anh Q không đồng ý ly hôn nhưng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và không còn chung sống. Biên bản xác minh ngày 22 tháng 5 năm 2026 tại Ủy ban nhân dân xã C có nội dung phù hợp với lời khai của các đương sự.

Từ các tài liệu, chứng cứ nêu trên có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ, cần được chấp nhận theo khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Viết Bảo K, sinh ngày 15/3/2010 và cháu Nguyễn Viết Bảo D, sinh ngày 06/8/2011. Cả hai cháu đều từ đủ 07 tuổi nên phải xem xét nguyện vọng của các cháu.

Theo Biên bản ghi nhận ý kiến cháu Nguyễn Viết Bảo K ngày và cháu Nguyễn Viết Bảo D đều đề ngày 21/5/2026, cháu K có nguyện vọng được sống với cha, cháu D có nguyện vọng được sống với mẹ. Quá trình giải quyết vụ án cả hai bên đều đề nghị phương án giao cháu D cho chị L và giao cháu K cho anh Q.

Xét nguyện vọng của từng cháu và đề nghị của đương sự, việc giao cháu D cho chị L, giao cháu K cho anh Q là phù hợp với quyền lợi về mọi mặt của các cháu. Việc hai cháu ở với hai người khác nhau không làm gián đoạn nghiêm trọng quan hệ anh em vì cha mẹ cùng có nơi cư trú tại thôn V, xã C và có điều kiện tạo thuận lợi để các cháu thường xuyên gặp gỡ, quan tâm, giữ mối quan hệ tình cảm với nhau.

Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi cháu D; anh Q không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu K. Xét mỗi bên trực tiếp nuôi một con và chưa có yêu cầu cấp dưỡng, Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng trong vụ án này. Quyền yêu cầu cấp dưỡng cho con được thực hiện theo quy định của pháp luật khi có căn cứ.

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về ý kiến của Viện kiểm sát: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị về thủ tục xét xử vắng mặt và hướng giải quyết vụ án phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238; các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu L về việc ly hôn và nuôi con chung.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thu L được ly hôn với anh Nguyễn Viết Q. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Q chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Viết Bảo D, sinh ngày 06/8/2011 cho chị Lê Thị Thu L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên hoặc có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Giao cháu Nguyễn Viết Bảo K, sinh ngày 15/3/2010 cho anh Nguyễn Viết Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên hoặc có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Quyền yêu cầu cấp dưỡng cho con được thực hiện theo quy định của pháp luật khi có căn cứ.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; trường hợp có hành vi lạm dụng, người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom theo quy định của pháp luật. Chị L và anh Q có trách nhiệm tạo điều kiện để hai cháu duy trì quan hệ tình cảm anh em.

Khi có căn cứ và vì lợi ích của con, người có quyền theo quy định của pháp luật có thể yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thu L và anh Nguyễn Viết Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thu L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001626 ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8, tỉnh Quảng Trị. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Thu L và anh Nguyễn Viết Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS khu vực 8 - Quảng Trị;
- Phòng THA khu vực 8, tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Cửa Tùng, tỉnh Quảng Trị (cơ quan kế thừa cơ quan đã đăng ký kết hôn);
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Vĩnh